TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/9/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tần;

Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 199/2019/TLST-HNGD ngày 01 tháng 8 năm 2019, về việc ly hôn; tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; có mặt;

Bị đơn: Ông Đỗ Đức T, sinh năm 1971; có mặt;

Cùng trú tại: Cụm 9, xã Th, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T tự nguyện kết hôn ngày 13/9/2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, xung khắc. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T có một con chung là cháu Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 05/6/2008, hiện nay cháu do bà L nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho được cháu và không yêu

cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đỗ Đức T trình bày như sau:

Ông T và bà Nguyễn Thị L tự nguyện kết hôn ngày 13/9/2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Quá trình chong sống có nhiều mâu thuẫn. Ông T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng không thể đoàn tụ được nên ông T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L có một con chung là cháu Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 05/6/2008. Sau khi ly hôn ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông yêu cầu bà L phải trả lại ông số tiền ông đã đưa cho bà L mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày kết hôn đến nay.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Bản sao trích lục kết hôn; Bản sao chứng minh thư nhân dân của chị L, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh của con chung, Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dan sự. Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại quy định Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông T và bà L có nhiều mâu thuẫn, xung khắc. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu được ly hôn ông T. Ông T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, xử bà L ly hôn ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T có một con chung là cháu Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 05/6/2008. Nay ly hôn bà L có đủ điều kiện nuôi con và có nguyện vọng được nuôi con. Ông T thường xuyên đi làm xa không có mặt ở nhà, không có đủ điều kiện thời gian để chăm sóc con chung. Hiện nay cháu Tr đang được bà L nuôi dưỡng và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà L trực tiếp chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Ông Đỗ Đức T cư trú tại xã Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông T. Bản thân ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với bà L. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn ông T phù hợp với Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3].Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T có một con chung là Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 05/6/2008. Nay ly hôn bà L, ông T đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con thì bà L và ông T đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, bà L có thể bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con chung tốt hơn ông T vì ông T thường xuyên đi làm xa theo công trình, không có ở nhà. Mặt khác, hiện cháu Tr đang có cuộc sống ổn định với bà L và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà L nên cần giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T đến khi bà L có yêu cầu.

[5].Về tài sản chung: Bà L, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6].Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Xử:

1. Bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Đỗ Đức T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thùy Tr, sinh ngày 05/6/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T đến khi bà L có yêu cầu. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai số AB/2014/06835 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

5. Về quyền kháng cáo:Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- THADS huyện Thạch Thất;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- UBND xã Th, huyện Thạch Thất.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.